

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hùng Cường;
2. Bà Bùi Thanh Thúy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2023/TLST- HNGĐ, ngày 12/6/2023 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn C, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ C1, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Phan Văn C trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh và chị C1 do quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng không tổ chức cưới và cũng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Hiện nay anh không còn tình cảm với chị C1 nên anh C yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ C1.

- Về con chung: anh C và chị C1 chung sống có 02 con chung tên Lê Minh T và Lê Minh Đ cùng sinh ngày 24/10/2016 (hai con đang sống với chị C1). Khi ly hôn, anh C giao 02 con cho chị C1 tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh C không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn chị Lê Thị Mỹ C1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như anh C trình bày, chị C1 và anh C do quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, không tổ chức cưới và không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống chị C1 phát hiện anh C có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Hiện chị không còn tình cảm với anh C nên anh C xin ly hôn thì chị C1 cũng đồng ý.

- Về con chung: thời gian chung sống anh C và chị C1 chung sống có 02 con chung tên Lê Minh T và Lê Minh Đ cùng sinh ngày 24/10/2016 (hai con đang sống với chị C1). Khi ly hôn, chị C1 cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng Minh T và Minh Đ sau khi ly hôn, chị C1 không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Văn C và chị Lê Thị Mỹ C1. Về con chung: áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Phan Văn C và chị Lê Thị Mỹ C1: Chị C1 được quyền nuôi con chung tên Lê Minh Đ và Lê Minh T cùng sinh ngày 24/10/2016 khi ly hôn. Anh C và chị C1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về nợ chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa anh Huỳnh Hữu C2 và chị Trần Thị Bích L là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về không công nhận quan hệ vợ chồng qui định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị C2 đang tạm trú tại xã T, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Phan Văn C và chị Lê Thị Mỹ C1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C và chị C1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Phan Văn C và chị Lê Thị Mỹ C1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 không có đăng ký kết hôn.

Tại Khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”*

Xét thấy, anh Phan Văn C và chị Lê Thị Mỹ C1 là người có đủ điều kiện kết hôn theo qui định pháp luật, trong quá trình chung sống anh chị phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Tuy nhiên, anh C và chị C1 đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bên cạnh đó, trong thời gian chung sống giữa anh C và chị C1 không còn tình cảm và đã sống ly thân, hiện nay anh C và chị C1 không còn tình cảm với nhau nên anh C xin ly hôn với chị C1 và chị C1 cũng đồng ý. Căn cứ khoản 1 điều 14 và khoản 2 điều 53 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Văn C và chị Lê Thị Mỹ C1.

[3] Về con chung: anh C và chị C1 chung sống với nhau có 02 con chung tên Lê Minh T và Lê Minh Đ cùng sinh ngày 24/10/2016. Anh C giao 02 con cho chị C1 nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị C1 cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 02 con sau khi ly hôn. Chị C1 không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc anh C và chị C1 sống ly thân thì cháu Đ và cháu T do chị C1 nuôi dưỡng, cuộc sống của các cháu đã ổn định và các cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp từ mẹ. Do đó nên giao cháu T và cháu Đ cho chị C1 nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do chị C1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: anh C và chị C1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Anh Huỳnh Hữu C2 phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Văn C và chị Lê Thị Mỹ C1.

2. *Về con chung:* giao cháu Lê Minh T và Lê Minh Đ cùng sinh ngày 24/10/2016 cho chị Lê Thị Mỹ C1 trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị C1 không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con (cháu T và cháu Đ đang sống với chị C1).

Anh Phan Văn C có quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* anh C và chị C1 trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Phan Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh C đã nộp ngày 29/5/2023 theo biên lai số 0017459 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí anh C phải nộp.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Loan